

Bản án số: 13/2017/DS-PT

Ngày: 27/12/2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Trường

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Văn Tiến

Bà Phạm Thị Thanh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Mỹ Lệ, là Thẩm tra viên Tòa án nhân tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang:** Ông An Viết Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1952;

Người được ủy quyền: Bà Hoàng Thị H

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947;

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960;

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1946.

Các đương sự cùng trú tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Về

nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp, vào trước năm 1945 kỵ tổ của ông là Nguyễn Văn H1 đã khai phá đất để làm vườn, trồng lúa, khoai, sắn và các loại hoa màu khác. Khi cụ tuổi cao sức yếu đã chia cho các con cháu để sử dụng, trong đó có bố đẻ của ông Đ là cụ Nguyễn Văn Đ1. Khi có chiến tranh xảy ra kỵ tổ của ông bỏ hoang, đến năm 1981 ông được bố mẹ ông cho sử dụng và ông trồng nhiều loại cây màu khác nhau liên tục đến năm 1991 có đoàn đo đạc, giao đất, giao rừng, thời kỳ này bà Nguyễn Thị T làm Phó chủ nhiệm HTX B1, nay chia tách ra gọi là thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Bà T cùng đoàn đi đo đạc, cắm đất chia cho các hộ, xong gia đình ông tiếp tục sử dụng đất đến tháng 10/2015, bà T tự đi đào cuốc hố trồng xoan, cho máy múc vào cuốc đất nhà ông, vợ chồng ông có hỏi bà T sao lại trồng vào đất của gia đình ông thì bà T trả lời là đất của bà, cứ sử dụng không sợ ai cả. Gia đình ông cũng đã nhiều lần nhờ thôn bản, chính quyền phân tích động viên cho bà T hiểu nhưng bà T một mực cho là đất của bà nên không nghe. Cuối cùng ông buộc lòng phải khởi kiện ra Tòa án để đề nghị giải quyết. Ông Nguyễn Đình Đ đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích đất 540m<sup>2</sup> tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 11, bản đồ giải thửa xã V do UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Nguyễn Đình Đ. Cơ sở chứng minh diện tích đất màu gia đình ông bị bà Nguyễn Thị T đang lấn chiếm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 936266 mang tên ông là Nguyễn Đình Đ, do UBND huyện B cấp ngày 10/12/1992 có diện tích 540m<sup>2</sup> đất màu vườn tạp, thửa số 190, thuộc tờ bản đồ số 11, bản đồ giải thửa xã V.

Bà Hoàng Thị H là người được nguyên đơn ủy quyền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà về làm dâu từ năm 1978, được gia đình bên chồng kể lại, từ trước năm 1945, kỵ tổ của ông Đ là Nguyễn Văn H1 đã khai phá chỗ đất này làm vườn trồng lúa, khoai, sắn và các hoa màu khác, khi cụ tuổi cao sức yếu đã chia cho các con, cháu, trong đó phần của bố chồng bà tên là Nguyễn Văn Đ1, sau này cụ Đ1 để lại cho vợ chồng bà là Nguyễn Đình Đ sử dụng đất, sau đó có chiến tranh xảy ra thì gia đình bà bỏ hoang. Đến năm 1981 thửa đất này chồng bà được thừa kế nên đã trồng khoai, sắn và các hoa màu khác liên tục đến năm 1991, có đoàn đo đạc đến giao đất, giao rừng tại thời điểm này bà Nguyễn Thị T là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã thôn B1 (nay là thôn M) cũng biết. Ngày 10/12/1992, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 936266 mang tên ông Nguyễn Đình Đ, chồng bà. Gia đình bà canh tác liên tục cho đến năm 2013 không có ai tranh chấp nhưng do đất cần cỗi nên vợ chồng bà để cho đất nghỉ một vài năm và sẽ lại tiếp tục sử dụng. Đến tháng 10/2015 bà T tự ý vào cuốc hố trồng cây xoan và còn cho máy múc vào cuốc đất màu nhà bà. Do hai bên gia đình không tự giải quyết được, bà đã báo cáo sự việc lên UBND xã V, sau đó xã có tiến hành hòa giải nhưng bà T dứt khoát không nghe. Vì vậy, theo sự uỷ quyền của ông Nguyễn Đình Đ, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện B buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho gia đình bà 540m<sup>2</sup> đất màu, tại thửa số 190, tờ bản đồ số 11, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 936266 mang tên ông Nguyễn Đình Đ, do UBND huyện B cấp ngày 10/12/1992.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Hoàng Thị H khởi kiện bà là do bố đẻ của bà là Nguyễn Văn V1, sinh năm 1902, mẹ bà là Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1907 khai phá từ năm 1947 khi ra ở riêng. Vì là rừng già nên bố mẹ bà tu bổ cây tự nhiên và trồng cây cọ với diện tích 25.000m<sup>2</sup> trong một quả đồi, được xác định ranh giới với các hộ gia đình khác bằng 3 khe suối cạn, phía đông nam giáp ông Nguyễn Mạnh T2, ở giữa đồi giáp ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc T3, trên đỉnh giáp ông Nguyễn Ngọc T4. Năm 1982 Nhà nước cấp cho gia đình bà quyền sử dụng đất từ bìa xanh chuyển sang bìa đỏ, hộ ông Nguyễn Đình Đ không có đất đai liền kề nhà bà. Năm 1993, vì không có đất màu làm nên cụ Cao Thị H2 là mẹ đẻ của ông Đ có đến gia đình bà hỏi mượn 01 mảnh đất ở trên đồi mà nhà bà đang canh tác có diện tích khoảng là 570 m<sup>2</sup> đất, để trồng sắn sau đó đến khoảng năm 2009 hay 2010 khi cụ H2 chết thì đất cũng bỏ không. Năm 2015 thì bà trồng cây xoan, cây keo, cây hóp thì con dâu bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Đình Đ là Phùng Thị N2 đến nhổ hết lúc đó bà Hoàng Thị H có nói là đất do ông bà để lại chứ không phải là của tôi cho mượn, từ đó xảy ra tranh chấp nên ông Đ, bà H đã khởi kiện bà ra Tòa án. Bà Nguyễn Thị T khẳng định diện tích đất bà H, ông Đ tranh chấp với gia đình bà nằm trong 25.000m<sup>2</sup> đất vườn rừng tại thửa số 74, tờ bản đồ số 54-281 do UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 331746 ngày 18/5/1998 cho vợ chồng bà, người đứng tên trong sổ là ông Nguyễn Văn T1. Chứng cứ chứng minh cho sự phản đối của bà là: Sổ lâm bạ hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 được lập ngày 30/6/1992 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 331746, do UBND huyện B cấp ngày 18/5/1998 cho người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn T1 chồng bà. Vì lý do trên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ, bà Hoàng Thị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông nhất trí theo quan điểm mà bà Nguyễn Thị T vợ ông đã trình bày. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng ông cho cụ H2 là mẹ chồng bà H mượn từ khi cụ H2 còn sống. Ngoài ra ông bổ sung thêm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình Đ là không hợp pháp vì nguồn gốc đất không hề có sổ bìa xanh, hơn nữa khi đoàn công tác khoảng 9 đến 10 người đi giao đất giao rừng thì vợ chồng bà Hoàng Thị H không có mặt. Gia đình bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Đình Đ không có phần đất giáp ranh với gia đình ông. Những người đi giao đất giao rừng cho gia đình ông có ông T5, ông Nguyễn Ngọc P, bà Sầm Thị N3, bà Đ3 nhưng đến nay họ đều đã chết, còn ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1939, nguyên là Chủ tịch, Bí thư xã V vẫn còn sống và hiện đang cư trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Tại Bản án số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện B quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 184; khoản 3 Điều 221; Điều 224 của Bộ luật dân sự 2015; căn cứ Điều 24; các khoản 1, 2, 5 Điều 48, khoản 1 Điều 49 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 97, khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12

ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trả lại cho gia đình ông Nguyễn Đình Đ diện tích đất màu đã lấn chiếm là 705,4 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 11, bản đồ giải thửa xã V. Cụ thể thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất rừng bà T dài 12,3m + 10,3m;
  - Phía Tây: Giáp đất ông Triệu Quốc T6 dài 26,3m;
  - Phía Nam: Giáp đất ông Nguyễn Ngọc V2 dài 18,5m + 11,4m;
  - Phía Bắc: Giáp ông Nguyễn Mạnh T2, vợ là Hoàng Thị Đ4 dài 29,1m.
- (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Không có tài sản, công trình kiến trúc, hoa màu trên đất.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2017 bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với nội dung bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của TAND huyện B về việc buộc ông, bà phải trả lại đất cho gia đình ông Đ, bà H. Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại diện tích đất tranh chấp 705,4 m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Đình Đ và bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, trên cơ sở xác minh đối với ông Nguyễn Ngọc T3 sinh năm 1939; ông Nguyễn Văn Công sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị H3 sinh năm 1930, là những người sống lâu năm, được sinh ra lớn lên và hiện đang sinh sống tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (BL số 88, 89, 90, 91) đều cho biết nguồn gốc, diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc ban đầu do cụ Nguyễn Văn Đ1 là bố đẻ của ông Nguyễn Đình Đ quản lý, sử dụng từ năm 1965, đến năm 1981 cụ Đ1 giao cho

ông Đ là con trai ông quản lý, sử dụng. Như vậy về nguồn gốc đất theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Nguyễn Đình Đ và bà Hoàng Thị H là có căn cứ.

[2] Quá trình quản lý, sử dụng: Từ năm 1981, hộ gia đình ông Nguyễn Đình Đ và bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng do cụ Đ1 giao cho. Ông Đ, bà H sử dụng công khai, liên tục từ thời điểm năm 1981. Đến năm 1992, hộ gia đình ông Đ, bà H được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay hộ gia đình ông Đ, bà H sử dụng ổn định. Thẻ hiện trong sổ đăng ký ruộng đất của xã V năm 1982, tại số thứ tự 03 ghi các hạng diện tích đất chịu thuế của ông Nguyễn Đình Đ; tại tờ bản đồ số 11 bản đồ giải thửa xã V thể hiện diện tích đất thửa 190 mang tên người sử dụng là ông Nguyễn Đình Đ. Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong đó có hộ gia đình ông Đ, bà H tại thời điểm năm 1992 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về diện tích đất tranh chấp: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định được diện tích đất tranh chấp là 705,4m<sup>2</sup>, đất màu thuộc thửa đất số 190 tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/1992 cho hộ ông Nguyễn Đình Đ. Hiện trạng diện tích đất tranh chấp là đất trống, không có tài sản, hoa màu, cây cối trên đất. Việc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 cho rằng diện tích đất tranh chấp 705,4m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 2,5 ha đất vườn rừng thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 54-281 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn T1 là không có căn cứ. Mặt khác, ông T1 và bà T cho rằng ông Đ, bà H có mượn đất của ông để canh tác từ năm 1993. Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà T, ông T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp ngoài những tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trả lại diện tích đất 705,4m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Đình Đ sử dụng là có căn cứ.

Như vậy, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 về việc không nhất trí trả lại diện tích 705,4m<sup>2</sup> đất cho hộ ông Nguyễn Đình Đ. Giữ nguyên bản án số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T, ông T1 được miễn tiền án phí phúc thẩm dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 184, khoản 3 Điều 221, Điều 224 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 24, khoản 1,2,5 Điều 48, khoản 1 Điều 49 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 97, khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trả lại cho gia đình ông Nguyễn Đình Đ diện tích đất màu đã lấn chiếm là 705,4 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 11, bản đồ giải thửa xã V. Cụ thể thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất rừng bà T dài 12,3m + 10,3m;
  - Phía Tây: Giáp đất ông Triệu Quốc T6 dài 26,3m;
  - Phía Nam: Giáp đất ông Nguyễn Ngọc V2 dài 18,5m + 11,4m;
  - Phía Bắc: Giáp ông Nguyễn Mạnh T2, vợ là Hoàng Thị Đ4 dài 29,1m.
- (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Không có tài sản, công trình kiến trúc, hoa màu trên đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình Đ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 03015, ngày 21/11/2016 do bà Hoàng Thị H nộp thay.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Đình Đ số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do ông Nguyễn Đình Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 được miễn án phí phúc thẩm dân sự.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Đức Trường**